

# NGÀNH DỊCH VỤ KHÔNG BỊ RÀNG BUỘC

Công nghệ số và cải cách chính sách ở Đông Á và Thái Bình Dương

**Tổng quan**



WORLD BANK GROUP

CÁC NGHIÊN CỨU VỀ SỰ PHÁT TRIỂN Ở  
ĐÔNG Á VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG



Các nghiên cứu về sự phát triển ở Đông Á và Thái Bình Dương

**Tổng quan**

# **Ngành dịch vụ không bị ràng buộc**

Công nghệ số và cải cách chính sách ở  
Đông Á và Thái Bình Dương

Tài liệu này chứa thông tin tổng quan từ cuốn sách có tên Services Unbound: Digital Technologies and Policy Reform in East Asia and Pacific, doi: 10.1596/978-1-4648-2082-3. Bản hoàn thiện dạng PDF của cuốn sách này có trên trang web <https://openknowledge.worldbank.org/> và <http://documents.worldbank.org/>. Bạn có thể đặt mua bản in trên [www.amazon.com](http://www.amazon.com). Vui lòng sử dụng phiên bản hoàn thiện của cuốn sách này cho mục đích trích dẫn, sao chép và chuyển thể.

© 2024 Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế/Ngân hàng Thế giới  
1818 H Street NW, Washington, DC 20433  
Điện thoại: 202-473-1000; Internet: [www.worldbank.org](http://www.worldbank.org)

Bảo lưu một số quyền

Tác phẩm này là sản phẩm của đội ngũ cán bộ Ngân hàng Thế giới cùng với sự đóng góp của các cá nhân, tổ chức bên ngoài. Những phát hiện, diễn giải và kết luận được trình bày trong tác phẩm này không nhất thiết phản ánh quan điểm của Ngân hàng Thế giới, Ban Giám đốc Điều hành hoặc các chính phủ mà họ đại diện.

Ngân hàng Thế giới không đảm bảo độ chính xác, đầy đủ hoặc tính cập nhật của dữ liệu có trong tác phẩm này và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ lỗi, thiếu sót hoặc sai lệch nào về thông tin hoặc trách nhiệm pháp lý liên quan đến việc sử dụng hay không sử dụng thông tin, phương pháp, quy trình hoặc kết luận được đưa ra. Các đường ranh giới, màu sắc, tên gọi, liên kết/chú thích ở cuối trang và các thông tin khác trình bày trong tác phẩm này không ám chỉ bất kỳ đánh giá nào của Ngân hàng Thế giới về tình trạng pháp lý của lãnh thổ bất kỳ hoặc việc chứng thực hay chấp nhận các đường ranh giới đó. Việc trích dẫn các tác phẩm của tác giả khác không có nghĩa là Ngân hàng Thế giới tán thành quan điểm hoặc nội dung tác phẩm của tác giả đó.

Không có nội dung nào trong tác phẩm này cấu thành, được hiểu hay được xem là hạn chế hoặc từ bỏ các đặc quyền và quyền miễn trừ của Ngân hàng Thế giới, tất cả các quyền đó đều được bảo lưu một cách rõ ràng.

Quyền và giấy phép



Tác phẩm này được cấp phép sử dụng theo giấy phép Creative Commons Attribution 3.0 IGO (CC BY 3.0 IGO) <http://creativecommons.org/licenses/by/3.0/igo>. Theo giấy phép Creative Commons Attribution, bạn được tự do sao chép, phân phối, truyền tải và chuyển thể tác phẩm này, kể cả cho mục đích thương mại, theo các điều kiện sau:

**Ghi nguồn** – Vui lòng trích dẫn tác phẩm như sau: Ngân hàng Thế giới. 2024. “Ngành dịch vụ không bị ràng buộc: Công nghệ số và cải cách chính sách ở Đông Á và Thái Bình Dương”. Tài liệu cung cấp thông tin tổng quan. Các nghiên cứu về sự phát triển ở Đông Á và Thái Bình Dương. Ngân hàng Thế giới, Washington, DC. Giấy phép: Creative Commons Attribution CC BY 3.0 IGO

**Dịch thuật** – Nếu bạn dịch tác phẩm này, vui lòng thêm tuyên bố từ chối trách nhiệm sau đây cùng với phần ghi nguồn: Bản dịch này không phải do Ngân hàng Thế giới thực hiện và không được xem là bản dịch chính thức của Ngân hàng Thế giới. Ngân hàng Thế giới sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ nội dung hoặc sai sót nào có trong bản dịch này.

**Chuyển thể** – Nếu bạn chuyển thể tác phẩm này, vui lòng thêm tuyên bố từ chối trách nhiệm sau đây cùng với phần ghi nguồn: Đây là bản chuyển thể từ tác phẩm gốc của Ngân hàng Thế giới. Các quan điểm và ý kiến thể hiện trong bản chuyển thể này thuộc hoàn toàn trách nhiệm của tác giả bản chuyển thể và không được Ngân hàng Thế giới xác nhận.

**Nội dung của bên thứ ba** – Ngân hàng Thế giới không nhất thiết sở hữu từng thành phần nội dung có trong tác phẩm. Do đó, Ngân hàng Thế giới không đảm bảo rằng việc sử dụng bất kỳ phần hoặc thành phần riêng lẻ nào thuộc sở hữu của bên thứ ba có trong tác phẩm sẽ không vi phạm quyền của các bên thứ ba đó. Bạn phải tự chịu trách nhiệm về nguy cơ khiếu nại phát sinh từ các vi phạm như vậy. Nếu muốn sử dụng lại một thành phần của tác phẩm, bạn có trách nhiệm xác định xem có cần xin phép để sử dụng lại thành phần đó hay không và trách nhiệm xin phép chủ sở hữu bản quyền. Ví dụ về các thành phần có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở bảng, biểu đồ hoặc hình ảnh.

Mọi thắc mắc về quyền và giấy phép phải được gửi tới Đơn vị xuất bản của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Thế giới, 1818 H Street NW, Washington, DC 20433, Hoa Kỳ; email: [pubrights@worldbank.org](mailto:pubrights@worldbank.org).

Ảnh bìa: © Bộ sưu tập tác phẩm mỹ thuật quốc gia của Bảo tàng Quốc gia Philippines. Được sử dụng với sự cho phép của Bảo tàng Quốc gia Philippines. Cần xin phép thêm để sử dụng lại. Tác phẩm “Hills of Nikko” (Những ngọn đồi Nikko) sáng tác năm 1964, bằng chất liệu sơn dầu trên vải của Jose T. Joya (1931 – 1995), Nghệ sĩ quốc gia về nghệ thuật thị giác (2003). Được nghệ sĩ tặng cho Bảo tàng Quốc gia Philippines vào năm 1965. Hình ảnh do Bengy Toda III và Bảo tàng Quốc gia Philippines cung cấp.

Thiết kế bìa: Guillaume Musel, Pi COMM, Pháp.

# Mục lục

<b>Tổng quan</b> .....	1
Bối cảnh .....	1
Vai trò của chính sách .....	7
Kết luận.....	11
Tài liệu tham khảo .....	12

## Hình

O.1	Ngành dịch vụ nói chung đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng năng suất của toàn bộ nền kinh tế .....	2
O.2	Dịch vụ vượt xa sản xuất về mặt tăng trưởng thương mại và FDI trong những năm gần đây.....	2
O.3	Ngành dịch vụ có tỷ lệ lao động nữ cao hơn ngành sản xuất.....	3
O.4	Vòng tròn tích cực của cơ hội và năng lực: Khung cấu trúc của luận điểm.....	4
O.5	Các công ty dịch vụ — đặc biệt là khi thuộc sở hữu nước ngoài và có khả năng tiếp cận bằng thông rộng — dùng nhiều công nghệ số hơn, gắn liền với mức năng suất cao hơn.....	5
O.6	Tự do hóa dịch vụ giúp tăng năng suất lao động của các công ty trong ngành dịch vụ lẫn các công ty sản xuất hạ nguồn (sử dụng sản phẩm của các doanh nghiệp dịch vụ làm nguyên liệu đầu vào) .....	6
O.7	Ở Indonesia, các công việc kỹ thuật số thường đòi hỏi trình độ học vấn cao hơn và chiếm ưu thế trong các ngành dịch vụ kỹ thuật hơn .....	7
O.8	Các nghiên cứu hiện tại cho thấy công nghệ số cải thiện kết quả giáo dục khi đi kèm với cải cách giáo dục .....	8
O.9	Mức hạn chế thương mại dịch vụ ở hầu hết các quốc gia EAP đều cao hơn so với các quốc gia khác có mức độ phát triển tương đương .....	8
O.10	Tỷ lệ ghi danh vào bậc đại học đã tăng ở khu vực EAP nhưng vẫn ở mức thấp tại hầu hết các quốc gia, với khu vực tư nhân đóng vai trò hạn chế .....	9
O.11	Nhu cầu cần phải phát triển cân bằng giữa cơ hội và năng lực .....	12

**Bản đồ**

O.1 Các quốc gia EAP áp dụng cách quản lý không đồng nhất đối với hoạt động chuyển dữ liệu quốc tế..... 11

**Bảng**

O.1 Khả năng tiếp cận băng thông rộng di động đã được cải thiện ở hầu hết các quốc gia, nhưng mạng di động không cung cấp tốc độ tiềm năng của băng thông rộng cố định, khả năng tiếp cận vẫn còn hạn chế và không đồng đều ..... 10

# Tổng quan

## Bối cảnh

Ngành dịch vụ thường được xem là chậm đổi mới, khó giao dịch và khó thoát khỏi các hạn chế về quy định. Tuy nhiên, sự kết hợp giữa thay đổi công nghệ và cải cách chính sách đang biến ngành dịch vụ trở thành lĩnh vực năng động nhất trong nhiều nền kinh tế. Ở Đông Á và Thái Bình Dương (EAP) (khu vực được biết đến với sự tăng trưởng nhờ vào sản xuất), ngành dịch vụ đã và đang là động lực cho sự phát triển.

Hãy xem xét 7 sự thật sau đây về ngành dịch vụ. Đầu tiên, trong thập kỷ qua, tỷ trọng ngành dịch vụ trong hoạt động kinh tế đã tăng đáng kể: từ 44% lên 53% ở Trung Quốc và từ 44% lên 48% ở các quốc gia còn lại trong khu vực kinh tế EAP (về sản lượng); từ 35% lên 47% ở Trung Quốc và từ 42% lên 49% ở các quốc gia còn lại của EAP (về việc làm).

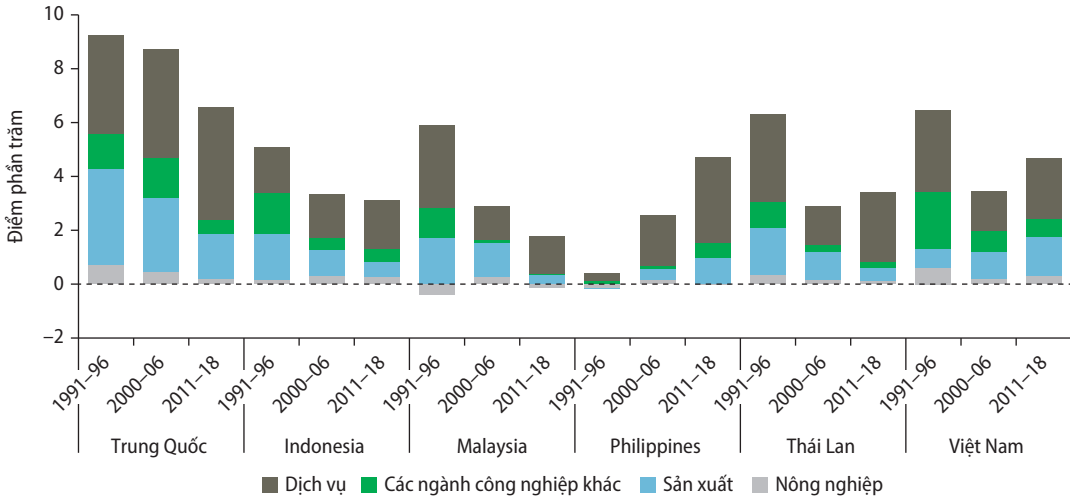
Thứ hai, trong những năm gần đây, tỷ trọng đóng góp của ngành dịch vụ vào tăng trưởng năng suất lao động chung cao hơn tỷ trọng đóng góp của ngành sản xuất ở tất cả các nền kinh tế lớn trong khu vực (hình O.1). Hơn nữa, năng suất trong một số lĩnh vực dịch vụ (chẳng hạn như dịch vụ kinh doanh, tài chính và truyền thông) cao hơn so với ngành sản xuất. Mặc dù vậy phần lớn công việc trong ngành dịch vụ của khu vực vẫn thuộc về những lĩnh vực dịch vụ đòi hỏi ít kỹ năng và có năng suất thấp như bán lẻ truyền thống và vận tải.

Thứ ba, ngành dịch vụ hiện là thành tố năng động nhất của thương mại quốc tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài tại khu vực EAP. Ở tất cả các quốc gia trừ Việt Nam, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của ngành dịch vụ đã vượt qua tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của ngành sản xuất trong giai đoạn 2010 – 2019, đặc biệt là trong các lĩnh vực dịch vụ được cung cấp qua phương thức kỹ thuật số (hình O.2). Tại hầu hết các quốc gia, trong giai đoạn 2012 – 2019, tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành dịch vụ lớn hơn gấp 5 lần tốc độ tăng trưởng của ngành sản xuất.

Thứ tư, ngành dịch vụ sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng do thu nhập tăng và dân số già hóa trên khắp khu vực sẽ chuyển nhu cầu của người tiêu dùng sang ngành dịch vụ.

**HÌNH 0.1** Ngành dịch vụ nói chung đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng năng suất của toàn bộ nền kinh tế

Đóng góp vào tăng trưởng năng suất chung, theo ngành, ở một số quốc gia EAP, 1991 – 1996, 2000 – 2006 và 2011 – 2018

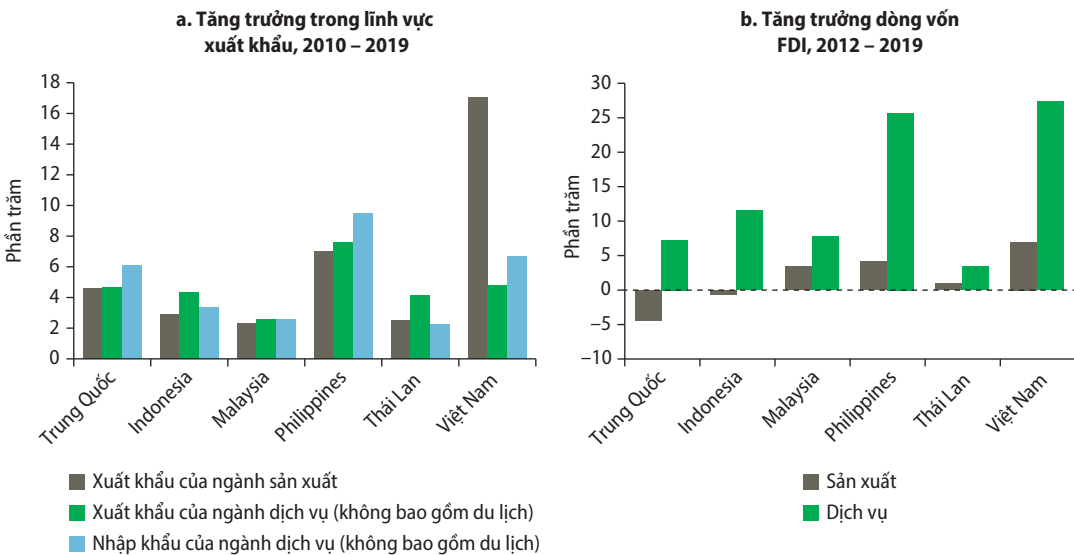


Nguồn: Trung tâm tăng trưởng và phát triển Groningen và Liên Hợp Quốc, Cơ sở dữ liệu chuyển đổi kinh tế GGDC/UNU-WIDER (Kruse và cộng sự xây dựng năm 2023).

Lưu ý: Hình thể hiện đóng góp của từng ngành vào tăng trưởng năng suất lao động, tính trung bình hàng năm trong 3 giai đoạn khác nhau. Các ngành công nghiệp khác bao gồm khai thác mỏ, dịch vụ tiện ích công cộng và xây dựng. EAP = Đông Á và Thái Bình Dương.

**HÌNH 0.2** Dịch vụ vượt xa sản xuất về mặt tăng trưởng thương mại và FDI trong những năm gần đây

Tăng trưởng xuất khẩu và dòng vốn FDI, ngành sản xuất so với dịch vụ, ở một số quốc gia EAP



Các nguồn: Haver Analytics; Ngân hàng Thế giới, Chỉ số phát triển thế giới.

Lưu ý: Biểu đồ a cho biết mức tăng trưởng hàng năm trong lĩnh vực xuất khẩu và nhập khẩu của ngành dịch vụ ở một số quốc gia EAP. Trong số liệu phân tích này, ngành dịch vụ không bao gồm du lịch. Tốc độ tăng trưởng trong lĩnh vực xuất khẩu của ngành sản xuất được đưa vào để tham khảo. Biểu đồ b cho thấy mức tăng trưởng trung bình hàng năm của giá trị FDI trung bình động 3 năm trong giai đoạn 2012 – 2019, ngoại trừ Việt Nam (2014 – 2019), Indonesia và Philippines (2013 – 2019). EAP = Đông Á và Thái Bình Dương; FDI = đầu tư trực tiếp nước ngoài.

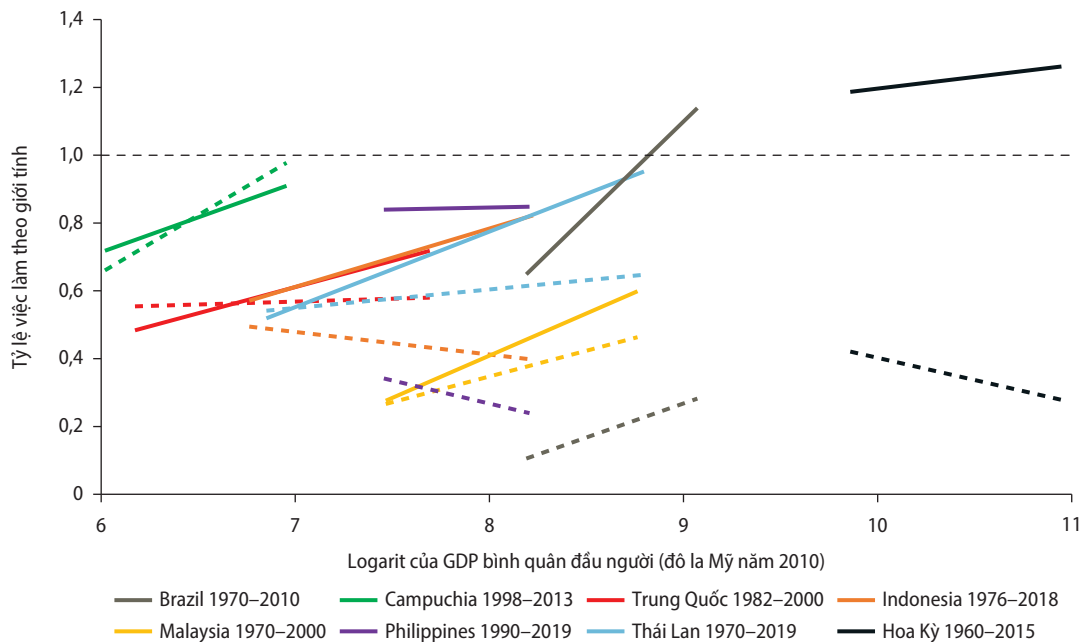


Thứ năm, vì ngành dịch vụ có xu hướng sử dụng nhiều lao động có tay nghề hơn so với ngành sản xuất hoặc nông nghiệp nên tỷ trọng ngày càng tăng của ngành dịch vụ sẽ làm tăng nhu cầu tương ứng về lao động có tay nghề. Thứ sáu, tỷ lệ phụ nữ so với nam giới làm việc trong ngành dịch vụ thường cao hơn các ngành khác. Tỷ lệ này ở ngành dịch vụ cũng thường tăng nhanh hơn so với ngành sản xuất khi mức phát triển ở các quốc gia tăng lên (hình O.3). Cuối cùng, ngành dịch vụ (ngoại trừ giao thông vận tải) có lượng khí thải nhà kính trên mỗi đơn vị sản lượng tạo ra thấp hơn đáng kể so với ngành công nghiệp và nông nghiệp. Do đó, việc chuyển đổi cơ cấu theo hướng dịch vụ sẽ góp phần chuyển dịch khu vực sang quá trình tăng trưởng ít thải ra carbon hơn.

Tiếp theo, hãy xem xét luận điểm chính và khung cấu trúc của luận điểm đó trong báo cáo này (hình O.4). Những thay đổi về chính sách công nghệ và dịch vụ đang tác động đến sự phát triển của ngành dịch vụ cũng như tỷ trọng đóng góp của ngành này vào sự phát triển. Ngay cả khi công nghệ số phát triển không đồng đều và việc cải cách chính sách bảo hộ còn hạn chế thì sự thay đổi trong cơ cấu giữa các ngành và trong từng ngành vẫn diễn ra. Điều này giúp tăng năng suất trong các ngành dịch vụ và ngành sản xuất sử dụng những dịch vụ đó, cũng như gia tăng nhu cầu về các kỹ năng phức tạp bổ sung cho công nghệ mới.

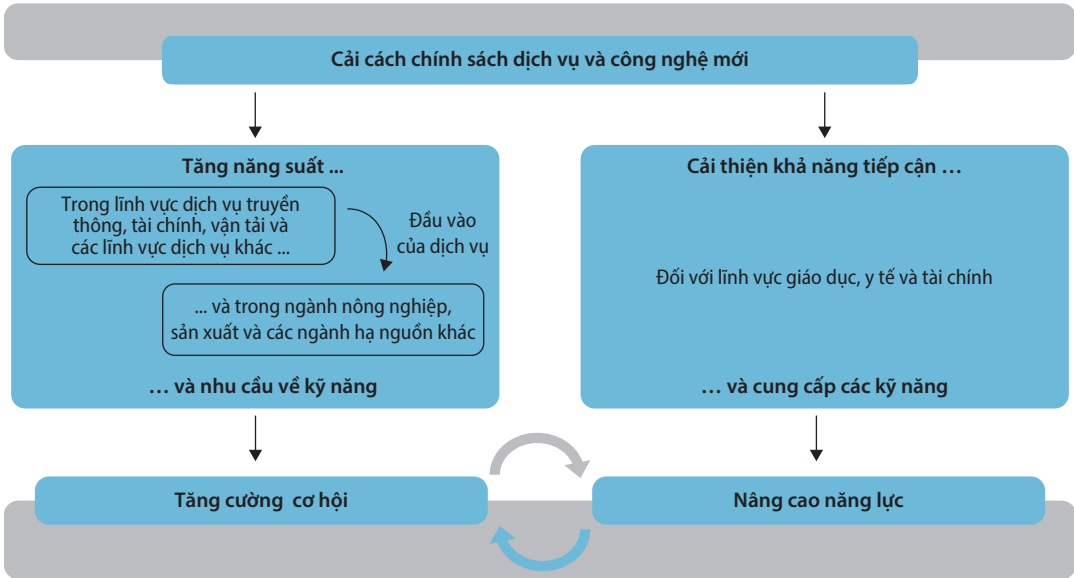
### HÌNH O.3 Ngành dịch vụ có tỷ lệ lao động nữ cao hơn ngành sản xuất

Tỷ lệ việc làm theo giới tính, ngành dịch vụ so với ngành sản xuất, ở một số quốc gia EAP và các quốc gia so sánh



Nguồn: Hình gốc của ấn phẩm này sử dụng dữ liệu của Chiplunkar và Kleineberg 2023.

Lưu ý: Hình thể hiện tỷ lệ việc làm theo giới tính trong các ngành dịch vụ và sản xuất của một số quốc gia theo thời gian so với logarit của GDP thực bình quân đầu người theo giá cố định của đô la Mỹ năm 2010. Tỷ lệ việc làm theo giới tính được tính bằng cách chia số lượng nữ giới làm việc trong một ngành cho số lượng nam giới. Đường nét liền biểu thị tỷ lệ việc làm của ngành dịch vụ. Đường nét đứt biểu thị tỷ lệ việc làm của ngành sản xuất. Giai đoạn nghiên cứu kéo dài từ năm 1960 đến năm 2019 và thay đổi tùy thuộc vào dữ liệu sẵn có của mỗi quốc gia. Đường ngang của hình cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của mỗi quốc gia trong giai đoạn lấy mẫu. Dữ liệu được lấy từ IPUMS (<https://international.ipums.org/international/>) và được bổ sung bằng dữ liệu khảo sát lực lượng lao động từ Cơ sở dữ liệu lao động toàn cầu của Ngân hàng Thế giới. EAP = Đông Á và Thái Bình Dương; GDP = tổng sản phẩm quốc nội.

**HÌNH 0.4 Vòng tròn tích cực của cơ hội và năng lực: Khung cấu trúc của luận điểm**

Nguồn: Hình gốc của ấn phẩm này.

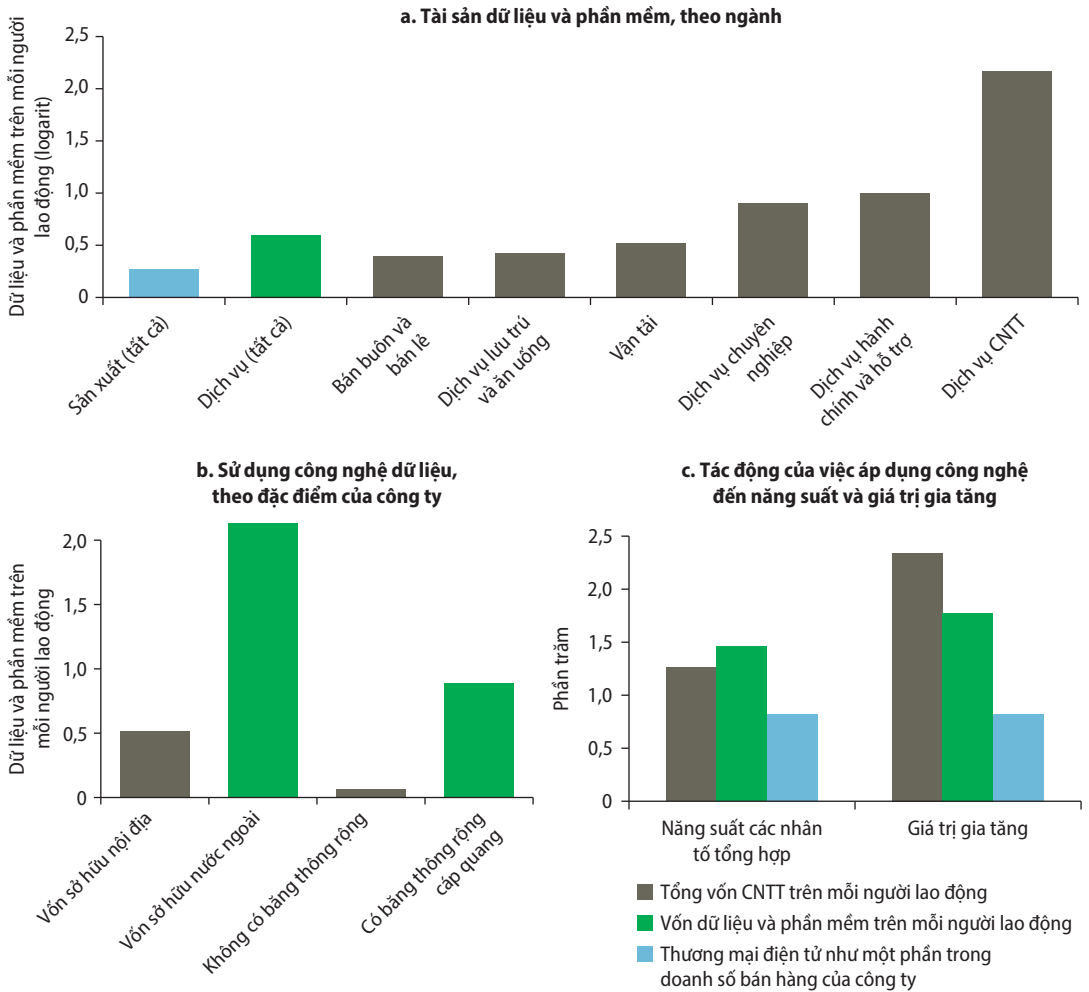
Sự kết hợp tương tự giữa hoạt động cải cách chính sách liên quan đến ngành dịch vụ và phổ biến công nghệ cũng đang cải thiện lĩnh vực giáo dục, y tế và tài chính nhằm trang bị cho mọi người khả năng tận dụng những cơ hội mới này. Tuy nhiên, để khai thác tối đa vòng tròn tích cực giữa cơ hội và năng lực, vốn là những yếu tố cấu thành nên sự phát triển như được thể hiện trong khuôn khổ lập luận của báo cáo, sẽ đòi hỏi mức độ cải cách sâu sắc hơn từ các quốc gia.

Bằng chứng đầu tiên cho luận điểm chính này liên quan đến sự thâm nhập ngày càng tăng của công nghệ số trong nhiều ngành dịch vụ ở khu vực EAP và mối liên hệ của thực trạng đó với năng suất (như minh họa ở nhánh bên trái của hình 0.4). Bằng chứng mới ở cấp độ doanh nghiệp tại Philippines cho thấy xét trên mỗi người lao động, một công ty dịch vụ trung bình có nhiều hơn khoảng 1/3 tài sản dữ liệu và phần mềm so với các công ty sản xuất, mặc dù các ngành dịch vụ áp dụng công nghệ số theo cách khác nhau (hình 0.5). Các công ty được tiếp cận bằng thông rộng và các công ty có vốn đầu tư nước ngoài có khả năng áp dụng công nghệ số mạnh mẽ hơn, nhờ đó có năng suất và giá trị gia tăng cao hơn.

Thứ hai, bằng chứng từ khu vực EAP và các nền kinh tế khác xác nhận rằng việc giảm rào cản cạnh tranh trong ngành dịch vụ sẽ thúc đẩy năng suất tăng trưởng cao hơn ở các ngành dịch vụ cũng như những ngành sản xuất sử dụng các dịch vụ đó. Ví dụ: theo số liệu phân tích mới ở cấp độ doanh nghiệp tại Việt Nam, việc giảm bớt các hạn chế áp

**HÌNH 0.5 Các công ty dịch vụ — đặc biệt là khi thuộc sở hữu nước ngoài và có khả năng tiếp cận bằng thông rộng — dùng nhiều công nghệ số hơn, gắn liền với mức năng suất cao hơn**

Tài sản dữ liệu và phần mềm của các công ty dịch vụ, hoạt động sử dụng công nghệ dữ liệu, năng suất và giá trị gia tăng ở Philippines năm 2017

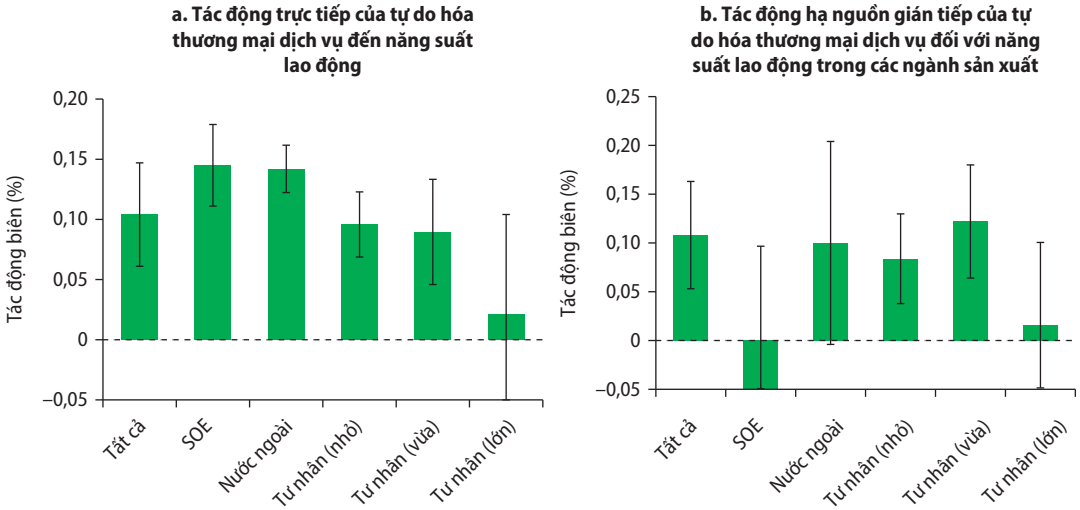


Các nguồn: Hình ảnh gốc của ấn phẩm này sử dụng dữ liệu lấy từ Cơ quan Thống kê Philippines: Khảo sát thường niên về doanh nghiệp và công nghiệp Philippines, Điều tra doanh nghiệp và công nghiệp Philippines, Khảo sát về công nghệ thông tin và truyền thông.  
 Lưu ý: CNTT = công nghệ thông tin.

dụng trong ngành vận tải, tài chính và kinh doanh trong giai đoạn 2008 – 2016 đã dẫn đến mức tăng hằng năm 2,9% về giá trị gia tăng bình quân đầu người trong các ngành này (hình 0.6). Hơn nữa, quá trình tự do hóa dịch vụ còn gắn liền với mức tăng 3,1% trong năng suất lao động của những doanh nghiệp sản xuất sử dụng các ngành dịch vụ làm đầu vào, mang lại lợi ích đáng kể nhất cho các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ.

**HÌNH O.6 Tự do hóa dịch vụ giúp tăng năng suất lao động của các công ty trong ngành dịch vụ lẫn các công ty sản xuất hạ nguồn (sử dụng sản phẩm của các doanh nghiệp dịch vụ làm nguyên liệu đầu vào)**

Tác động trực tiếp và gián tiếp của tự do hóa thương mại dịch vụ, theo loại hình công ty dịch vụ, ở Việt Nam, giai đoạn 2008 – 2016



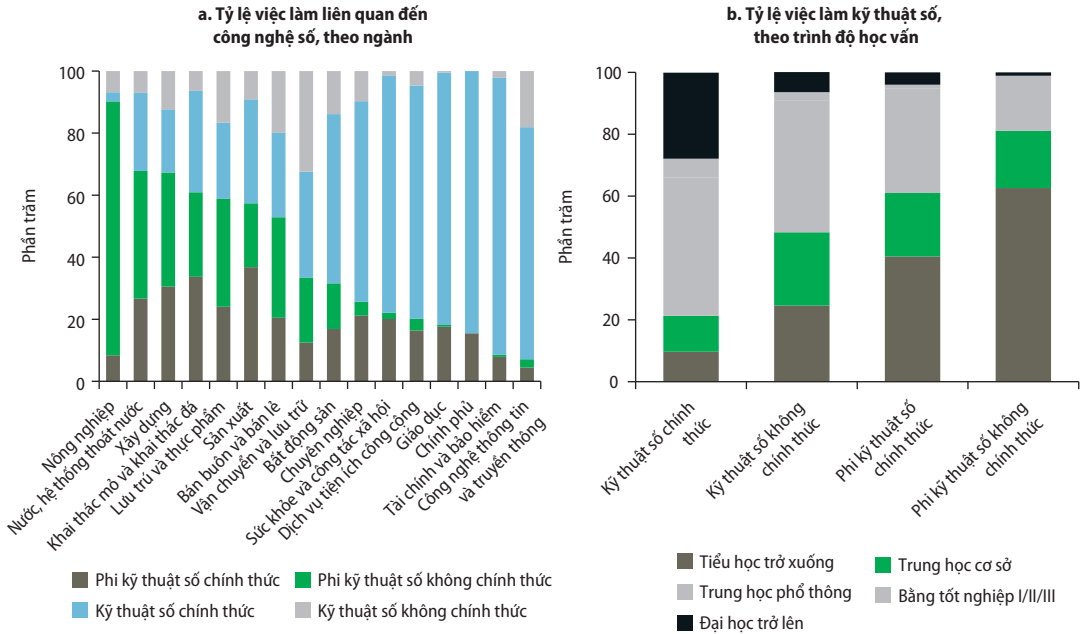
*Nguồn:* Hình gốc của ấn phẩm này sử dụng dữ liệu từ cuộc Khảo sát doanh nghiệp Việt Nam năm 2008 và 2016.  
*Lưu ý:* Biểu đồ cho biết kết quả hồi quy bình phương tối thiểu thông thường. Biến phụ thuộc là sự thay đổi trong giá trị tăng logarit trên mỗi lao động từ năm 2008 đến năm 2016. Biến giải thích chính là sự thay đổi trong giá trị STRI ở các ngành thương mại, vận tải, tài chính, chuyên môn và viễn thông từ năm 2008 đến năm 2016 trong biểu đồ a và sự thay đổi trong STRI "hạ nguồn" đối với các ngành sản xuất trong biểu đồ b. STRI hạ nguồn là thước đo cụ thể theo ngành cho mỗi ngành sản xuất, gồm 2 chữ số, được tính bằng STRI trung bình của 5 ngành dịch vụ được chỉ định có trọng số theo giá trị mua tương ứng của mỗi ngành sản xuất. Mẫu hồi quy trong biểu đồ a bao gồm tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vận tải, tài chính, chuyên môn và viễn thông, và tất cả các doanh nghiệp sản xuất trong biểu đồ b vào năm 2008 và 2016. Tất cả các mô hình hồi quy đều kiểm soát doanh thu cơ sở và số lượng nhân viên của công ty. Sai số chuẩn được nhóm theo cấp độ ngành. SOE = các doanh nghiệp nhà nước; STRI = Chỉ số hạn chế thương mại dịch vụ.

Tuy nhiên, bằng chứng thu thập được ở quy mô nhỏ tại Indonesia chỉ ra rằng những công việc mới được tạo ra trong các ngành dịch vụ số có thể đòi hỏi nhiều kỹ năng hơn so với những công việc trong các ngành dịch vụ truyền thống. Các công việc sử dụng công nghệ số chiếm tỷ trọng lớn hơn trong ngành dịch vụ so với trong ngành nông nghiệp và sản xuất, thậm chí còn chiếm tỷ trọng cao hơn trong các ngành dịch vụ mang đậm tính kỹ thuật, chẳng hạn như công nghệ thông tin, truyền thông và dịch vụ tài chính, so với các ngành ít kỹ thuật hơn như dịch vụ phân phối và vận tải (hình O.7). Hơn nữa, gần 40% nhân viên làm việc chính thức trong lĩnh vực kỹ thuật số có bằng đại học trở lên, trong khi chưa đến 20% nhân viên làm việc trong lĩnh vực phi kỹ thuật số có bằng này. Những phát hiện nói trên ngụ ý rằng nhu cầu về lao động có tay nghề cao có thể sẽ tăng trong những năm tới. Tuy nhiên, bằng chứng khác lại cho thấy có sự khác biệt quan trọng: công việc trên nền tảng kỹ thuật số dựa trên web – cung cấp các dịch vụ như phần mềm tùy chỉnh và lập trình qua Internet – có xu hướng đòi hỏi trình độ học vấn cao hơn so với những công việc kỹ thuật số dựa trên địa điểm – chẳng hạn như chia sẻ phương tiện và giao đồ ăn – vốn thường do những người lao động ít trình độ hơn đảm nhiệm.

Do triển vọng về mức năng suất và tăng trưởng cao hơn có thể liên quan chặt chẽ hơn đến những công việc đòi hỏi nhiều kỹ năng hơn, nên việc trang bị cho người lao động những kỹ năng phù hợp phải là ưu tiên hàng đầu. Quá trình áp dụng các công nghệ số mới

**HÌNH 0.7 Ở Indonesia, các công việc kỹ thuật số thường đòi hỏi trình độ học vấn cao hơn và chiếm ưu thế trong các ngành dịch vụ kỹ thuật hơn**

Người lao động kỹ thuật số, theo trình độ học vấn và ngành nghề, năm 2022



Nguồn: Hình gốc của ấn phẩm này sử dụng Khảo sát lực lượng lao động của Indonesia năm 2022.  
 Lưu ý: Người lao động kỹ thuật số được định nghĩa là những người lao động sử dụng công nghệ số và Internet để làm công việc chính của mình. ICT = công nghệ thông tin và truyền thông.

và cải cách trong lĩnh vực dịch vụ giáo dục và y tế có thể giúp giải quyết tình trạng thiếu hụt kỹ năng cũng như bất bình đẳng trong khía cạnh tiếp cận và chất lượng trên toàn khu vực (hình 0.8) và có thể trang bị cho nhiều công dân khu vực EAP hơn hành trang để tham gia hiệu quả vào nền kinh tế mới trong thời đại kỹ thuật số (như minh họa ở nhánh bên phải của hình 0.4).

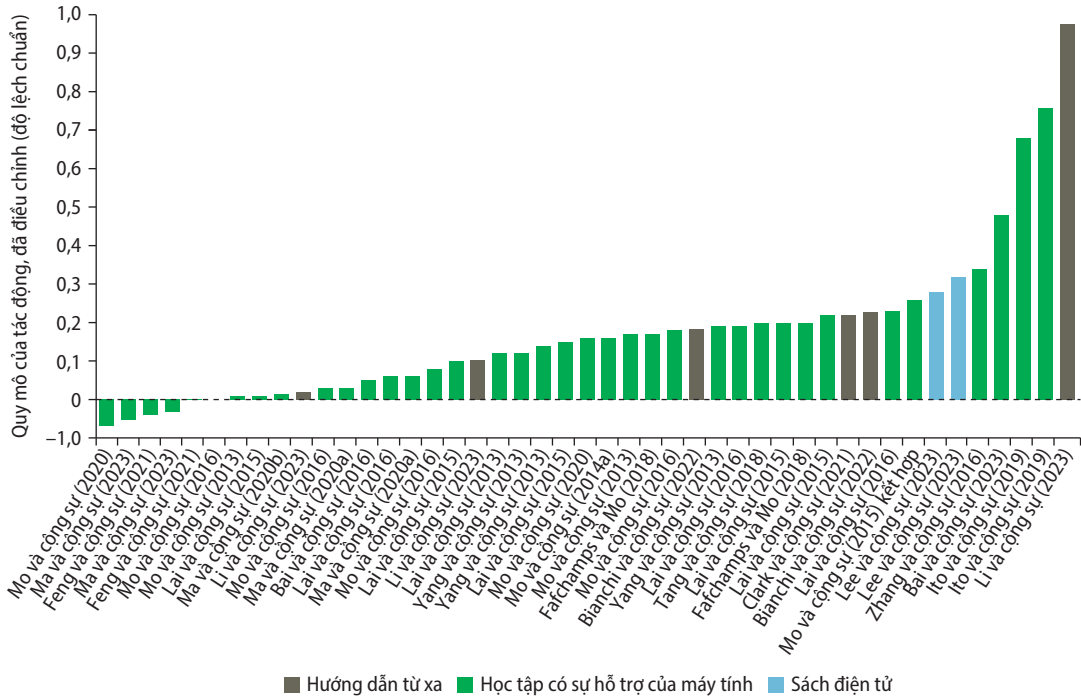
**Vai trò của chính sách**

Để khai thác tối đa vòng tròn tích cực giữa cơ hội và năng lực, đồng thời đảm bảo phát triển ngành dịch vụ một cách toàn diện và bền vững, các quốc gia EAP phải thực hiện 3 cấp hành động chính sách sau đây.

Đầu tiên, các quốc gia cần phải vừa thực hiện tự do hóa nền kinh tế, vừa tăng cường công tác quản lý. Dữ liệu mới cho thấy công cuộc tự do hóa thương mại dịch vụ vẫn chưa hoàn tất. Hình 0.9 trình bày các giá trị của Chỉ số hạn chế thương mại dịch vụ mà Ngân hàng Thế giới – Tổ chức Thương mại Thế giới – công bố theo mức độ phát triển của nền kinh tế. Mặc dù trước đây đã có những cải cách nhưng các quốc gia EAP vẫn tương đối ít cởi mở trong lĩnh vực dịch vụ. Để thúc đẩy chương trình nghị sự về vấn đề tự do hóa, cần

**HÌNH 0.8 Các nghiên cứu hiện tại cho thấy công nghệ số cải thiện kết quả giáo dục khi đi kèm với cải cách giáo dục**

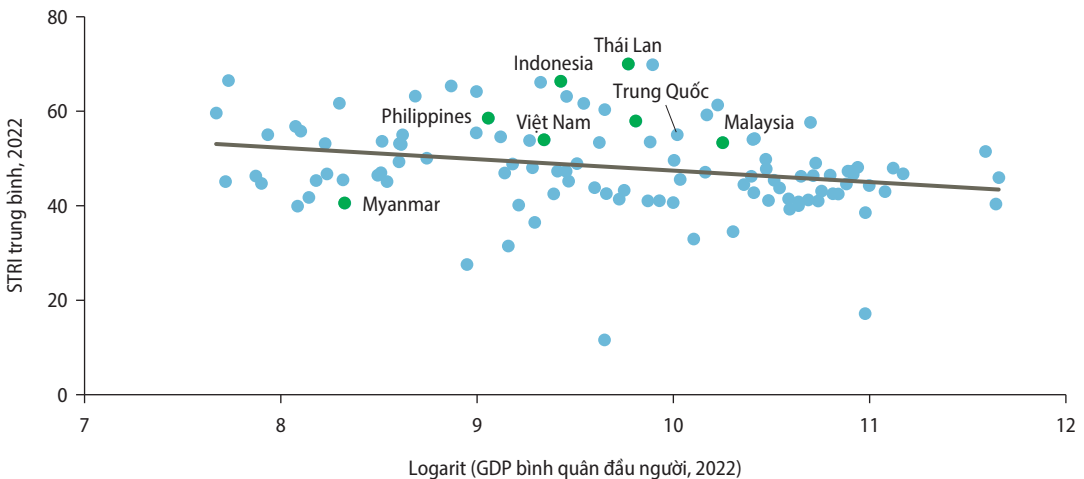
Quy mô tác động của các chương trình công nghệ giáo dục đến việc học tập của học sinh/sinh viên, theo loại hình sử dụng



Nguồn: Yarrow và cộng sự, phụ lục 1, sắp xuất bản. Xem phụ lục 1 để biết danh sách đầy đủ các nghiên cứu và quy mô tác động (đã điều chỉnh).

**HÌNH 0.9 Mức hạn chế thương mại dịch vụ ở hầu hết các quốc gia EAP đều cao hơn so với các quốc gia khác có mức độ phát triển tương đương**

Giá trị STRI ở một số quốc gia EAP, theo GDP bình quân đầu người, năm 2022



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Chỉ số Phát triển Thế giới, 2022; Chỉ số hạn chế thương mại dịch vụ của Ngân hàng Thế giới – Tổ chức Thương mại Thế giới, 2022.  
 Lưu ý: Chỉ số STRI trung bình được tính bằng cách lấy trung bình cộng đơn giản của các chỉ số trong ngành tài chính, truyền thông và vận tải. EAP = Đông Á và Thái Bình Dương; GDP = tổng sản phẩm quốc nội; STRI = Chỉ số hạn chế thương mại dịch vụ.

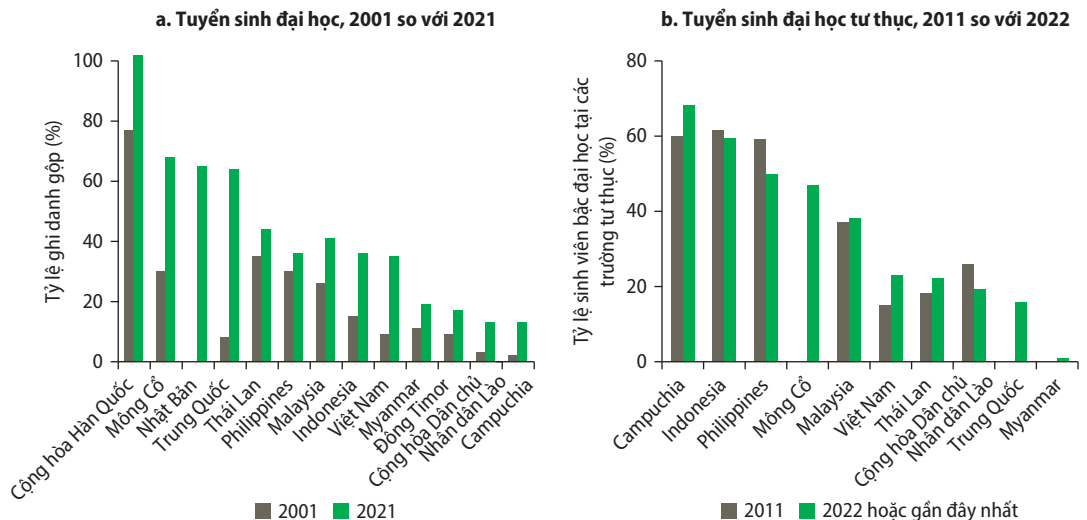
giải quyết các hạn chế trong chính sách đối với hoạt động gia nhập và cạnh tranh trên thị trường dịch vụ ở khu vực EAP, từ việc cấp phép tùy tiện và không minh bạch cho đến các giới hạn về vốn sở hữu nước ngoài. Song song với đó, các quốc gia cần thiết lập khuôn khổ pháp lý để xử lý những biến dạng của thị trường cũ và mới, kể cả việc tập trung và sử dụng dữ liệu sai mục đích có thể phát sinh trên các thị trường do nền tảng kỹ thuật số thống trị.

Thứ hai, chính phủ cần hợp tác với khu vực tư nhân để xây dựng cơ sở hạ tầng và những kỹ năng cần thiết nhằm tận dụng các cơ hội mới xuất hiện. Trong những thập kỷ qua, việc dân chủ hóa quyền tiếp cận dịch vụ điện thoại di động do các công ty tư nhân cạnh tranh cung cấp dường như đã loại bỏ nhu cầu về mạng lưới đường dây cố định do các công ty độc quyền khu vực công tạo ra (bảng O.1). Tuy nhiên, lợi ích kỹ thuật số mà khả năng tiếp cận băng thông rộng tốc độ cao đem lại đã làm dấy lên câu hỏi, đó là làm thế nào nhà nước có thể đảm bảo quyền tiếp cận đầy đủ cho tầng lớp dân nghèo và những cư dân vùng sâu vùng xa. Theo kinh nghiệm từ các quỹ tài trợ dự án phổ cập dịch vụ viễn thông cơ bản cho toàn dân, việc phân bổ khoản trợ cấp một cách cạnh tranh cho các nhà cung cấp tư nhân có thể giúp thu hẹp khoảng cách. Ngoài ra, các quốc gia phải vật lộn với câu hỏi về mức độ tin cậy của thị trường và các tổ chức tư nhân trong việc cung cấp những kỹ năng cần thiết cho nền kinh tế dịch vụ số (hình O.10). Ít nhất, chính phủ có thể khắc phục tình trạng thiếu hụt và bất bình đẳng trong khía cạnh tiếp cận nguồn tài chính cho giáo dục, đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục mà không cản trở sự cạnh tranh, đồng thời xử lý những sai sót trong điều phối bằng cách đảm bảo tính nhất quán trong chính sách, cũng như cung cấp thông tin cho cá nhân và doanh nghiệp về sự bùng nổ của các cơ hội kinh tế và năng lực của con người.

Thứ ba, khu vực EAP và các quốc gia khác, ngoài hoạt động cải cách đơn phương trong nước còn phải hợp tác trên bình diện quốc tế để giải quyết những thất bại của thị trường

**HÌNH O.10 Tỷ lệ ghi danh vào bậc đại học đã tăng ở khu vực EAP nhưng vẫn ở mức thấp tại hầu hết các quốc gia, với khu vực tư nhân đóng vai trò hạn chế**

*Tuyển sinh giáo dục đại học, tổng thể và tư thực, ở một số quốc gia EAP*



Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế, Cục Thống kê, ILOSTAT, 2022.  
 Lưu ý: EAP = Đông Á và Thái Bình Dương.

**BẢNG O.1 Khả năng tiếp cận băng thông rộng di động đã được cải thiện ở hầu hết các quốc gia, nhưng mạng di động không cung cấp tốc độ tiềm năng của băng thông rộng cố định, khả năng tiếp cận vẫn còn hạn chế và không đồng đều**  
*Khả năng tiếp cận, chất lượng và chi phí băng thông rộng cố định và di động ở các quốc gia EAP*

	Băng thông rộng cố định			Băng thông rộng di động		
	Khả năng tiếp cận	Chất lượng	Chi phí	Khả năng tiếp cận	Chất lượng	Chi phí
	Tỷ lệ tiếp cận băng thông rộng cố định của hộ gia đình (%)	Tốc độ tải xuống trung bình (Mb/giây)	Giá băng thông rộng cố định bình quân đầu người	Số thuê bao băng thông rộng di động đang hoạt động trên 100 cá nhân	Tốc độ tải xuống trung bình (Mb/giây)	Giá băng thông rộng di động tính theo % GNI bình quân đầu người
Trung Quốc	113	194	0,5	102	95	0,5
Việt Nam	76	94	3,5	88	48	0,5
Thái Lan	58	211	3,5	112	41	1,4
Mông Cổ	52	57	1,9	116	15	1,9
Malaysia	50	96	2,3	125	49	1,0
Fiji	44	15	4,7	76	22	3,0
Philippines	33	92	11,6	62	26	2,0
Indonesia	18	27	7,6	115	24	0,9
Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	12	32	9,0	56	30	2,7
Campuchia	10	22	12,1	106	24	2,4
Myanmar	8	19	12,4	110	23	1,7
Quần đảo Solomon	1	-	47,4	18	-	8,9
Papua New Guinea	1	16	13,4	11	20	18,8
Đông Timor	1	6	32,1	30	-	4,6
Giá trị trung bình của PIC-9	25		13,8			4,4

Các nguồn: Liên minh Viễn thông Quốc tế; Ookla; TeleGeography.  
 Lưu ý: Bảng hiển thị giá trị trung bình dạng số của các điểm dữ liệu có sẵn cho PIC-9, EAP = Đông Á và Thái Bình Dương; GNI = tổng thu nhập quốc dân; Mb/giây = megabit/giây; PIC-9 = Kiribati, Quần đảo Marshall, Micronesia, Nauru, Palau, Samoa, Tonga, Tuvalu và Vanuatu; - = không có sẵn.



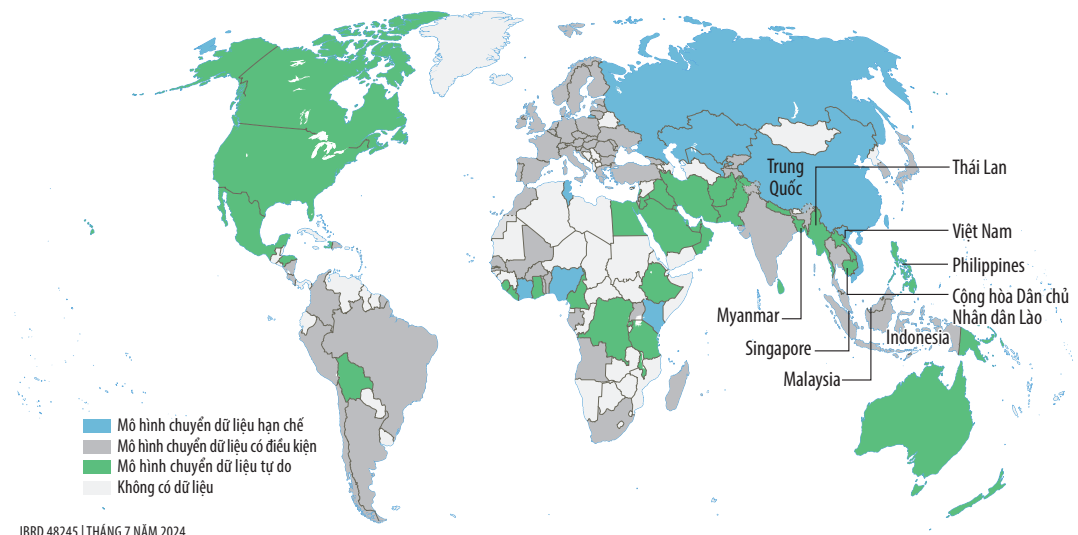
dịch vụ có quy mô xuyên biên giới. Một ví dụ đó là cần đảm bảo rằng sự khác biệt trong quy định của các quốc gia về quyền riêng tư và an ninh mạng (như thể hiện trong bản đồ O.1) không cản trở luồng dữ liệu, vốn là yếu tố then chốt của nền kinh tế dịch vụ toàn cầu. Một ví dụ khác là cần đảm bảo hoạt động vận tải quốc tế, đóng vai trò trung tâm trong thương mại và du lịch toàn cầu, không tiếp tục thải thêm khí carbon dioxide vào khí quyển. Trong cả hai ví dụ này, các quốc gia đang bắt đầu hợp tác một cách có ý nghĩa tại các diễn đàn khu vực và đa phương.

## Kết luận

Trong tương lai, điều quan trọng đối với các quốc gia thuộc khu vực EAP đó là theo đuổi chiến lược phát triển phù hợp với sự tương tác qua lại giữa cơ hội và năng lực. Như minh họa trong hình O.11, việc ưu tiên phát triển cơ hội mà không đi kèm với việc tăng năng lực có thể dẫn đến tình trạng thiếu hụt tiềm năng. Phát triển năng lực khi không có cơ hội có thể phát sinh nguy cơ sử dụng không hết năng lực. Một vòng tròn tích cực thúc đẩy sự phát triển chỉ có thể đạt được bằng cách theo đuổi các chính sách cân bằng, trong đó việc tăng cường nguồn lực sẽ định hình lợi thế so sánh, đồng thời sự phát triển của lợi thế so sánh sẽ khuyến khích việc tăng cường nguồn lực.

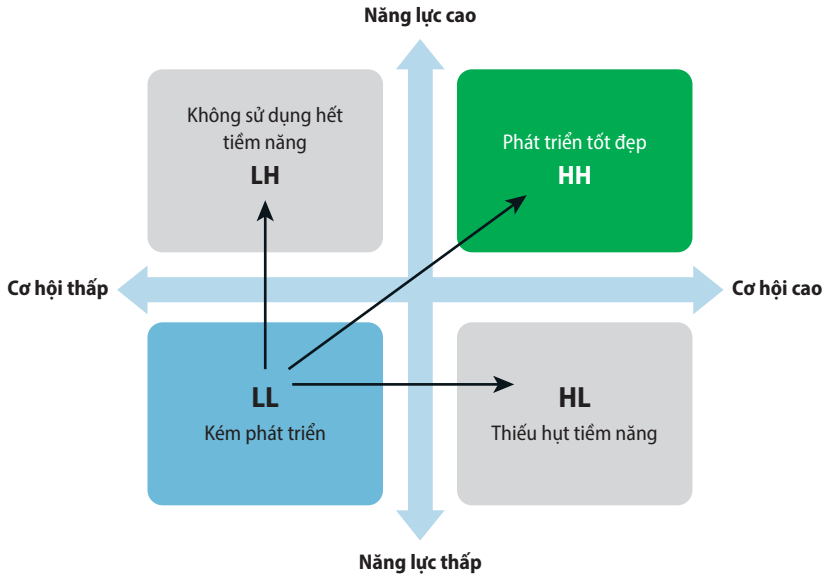
### BẢN ĐỒ O.1 Các quốc gia EAP áp dụng cách quản lý không đồng nhất đối với hoạt động chuyển dữ liệu quốc tế

Hợp tác trong luồng dữ liệu xuyên biên giới, theo loại tiếp cận



Nguồn: Ngân hàng Thế giới 2021, cập nhật cho các quốc gia EAP-6 vào tháng 6 năm 2023.  
 Lưu ý: EAP = Đông Á và Thái Bình Dương.

**HÌNH 0.11** Nhu cầu cần phải phát triển cân bằng giữa cơ hội và năng lực



Nguồn: Hình gốc của ấn phẩm này sử dụng dữ liệu từ Ngân hàng Thế giới.

### Tài liệu tham khảo

Chiplunkar, G., and T. Kleineberg. 2023. “Gender Barriers, Structural Transformation and Economic Development.” Working paper. [https://drive.google.com/file/d/1pL9LXx6LCAR9acFcLnK\\_CEFJkKihRaUn/view](https://drive.google.com/file/d/1pL9LXx6LCAR9acFcLnK_CEFJkKihRaUn/view).

Kruse, H., E. Mensah, K. Sen, and G. J. de Vries. 2023. “A Manufacturing (Re)naissance? Industrialization Trends in the Developing World.” *IMF Economic Review* 71: 439–73.

World Bank. 2021. *World Development Report 2021: Data for Better Lives*. Washington, DC: World Bank.

Yarrow, N., C. Abbey, S. Shen, and K. Alyono. Forthcoming. *Using Education Technology to Improve K–12 Student Learning in East Asia and Pacific: Promises and Limitations*. Washington, DC: World Bank.



**N**gành dịch vụ chính là động lực mới cho quá trình đổi mới, thương mại cũng như tăng trưởng ở Đông Á và Thái Bình Dương. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và quá trình cải cách một phần chính sách ở ngành dịch vụ – từ tài chính, truyền thông và vận tải cho đến bán lẻ, y tế và giáo dục – đang chuyển đổi các nền kinh tế này. Điều này dẫn đến năng suất gia tăng và thay đổi việc làm trong ngành dịch vụ, cũng như trong những ngành sản xuất sử dụng các dịch vụ này.

Một khu vực tuy đã phát triển mạnh mẽ nhờ sự cởi mở trong hoạt động thương mại và đầu tư vào sản xuất nhưng vẫn tồn tại những rào cản cản trở sự đổi mới và cạnh tranh trong các ngành dịch vụ then chốt. *Ngành dịch vụ không bị ràng buộc: Công nghệ số và hoạt động cải cách chính sách ở Đông Á và Thái Bình Dương* góp phần khiến cho việc cải cách trong nước trở nên sâu rộng hơn cũng như hợp tác quốc tế chặt chẽ hơn nhằm khai thác tối đa vòng tròn tích cực giữa tăng cường cơ hội kinh tế và nâng cao năng lực con người, qua đó thúc đẩy sự phát triển trong khu vực.

